

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/TT-NHNN Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG TƯ
Quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận
việc tổ chức lại tổ chức tín dụng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định việc tổ chức lại tổ chức tín dụng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục việc tổ chức lại tổ chức tín dụng dưới các hình thức sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng, chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

2. Việc tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty cổ phần.

3. Việc tổ chức lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo Phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt trên cơ sở trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức tín dụng bao gồm:

a) Ngân hàng thương mại;

b) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm công ty tài chính tổng hợp và công ty tài chính chuyên ngành.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức lại tổ chức tín dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sáp nhập tổ chức tín dụng là việc một hoặc một số tổ chức tín dụng (sau đây gọi là tổ chức tín dụng bị sáp nhập) chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang một tổ chức tín dụng khác (sau đây gọi là tổ chức tín dụng nhận sáp nhập), đồng thời chấm dứt sự tồn tại của tổ chức tín dụng bị sáp nhập.

2. Hợp nhất tổ chức tín dụng là việc hai hoặc một số tổ chức tín dụng (sau đây gọi là tổ chức tín dụng bị hợp nhất) chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp để hình thành một tổ chức tín dụng mới (sau đây gọi là tổ chức tín dụng hợp nhất), đồng thời chấm dứt sự tồn tại của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất.

3. Tổ chức tín dụng sau sáp nhập là tổ chức tín dụng nhận sáp nhập sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận sáp nhập.

4. Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập là tổ chức tín dụng bị sáp nhập, tổ chức tín dụng nhận sáp nhập.

5. Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất là các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, tổ chức tín dụng bị hợp nhất.

6. Tổ chức tín dụng đại diện là tổ chức tín dụng bị hợp nhất được các tổ chức tín dụng bị hợp nhất còn lại ủy quyền làm đầu mối xử lý các vấn đề liên quan đến việc hợp nhất các tổ chức tín dụng.

7. Tổ chức tín dụng sau tổ chức lại là tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất, tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý, *tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình*.

8. Cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng là cơ quan có thẩm quyền quyết định việc sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng, *chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng* theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng.

Điều 4. Các trường hợp tổ chức lại tổ chức tín dụng

1. Các trường hợp sáp nhập tổ chức tín dụng:

a) Ngân hàng thương mại, *tổ chức tín dụng phi ngân hàng* sáp nhập vào một ngân hàng thương mại;

b) *Tổ chức tín dụng phi ngân hàng* sáp nhập vào một *tổ chức tín dụng phi ngân hàng*.

2. Các trường hợp hợp nhất tổ chức tín dụng:

a) Ngân hàng thương mại hợp nhất ngân hàng thương mại thành một ngân hàng thương mại;

b) Ngân hàng thương mại hợp nhất *tổ chức tín dụng phi ngân hàng* thành một ngân hàng thương mại;

c) *Tổ chức tín dụng phi ngân hàng* hợp nhất *tổ chức tín dụng phi ngân hàng* thành một *tổ chức tín dụng phi ngân hàng*.

3. Các trường hợp chuyển đổi hình thức pháp lý *tổ chức tín dụng*:

a) Ngân hàng thương mại, *tổ chức tín dụng phi ngân hàng* chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại;

b) Ngân hàng thương mại, *tổ chức tín dụng phi ngân hàng* chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại.

4. Các trường hợp chuyển đổi loại hình *tổ chức tín dụng phi ngân hàng*

a) Công ty tài chính tổng hợp bổ sung, sửa đổi nội dung hoạt động để chuyển đổi thành công ty tài chính chuyên ngành;

b) Công ty tài chính chuyên ngành bổ sung nội dung hoạt động để chuyển đổi thành công ty tài chính tổng hợp.

Điều 5. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận *tổ chức lại tổ chức tín dụng* được lập 01 bộ bằng tiếng Việt và gửi về Ngân hàng Nhà nước theo một trong những hình thức sau:

a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

2. Thành phần hồ sơ của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự và dịch ra tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật.

Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Hồ sơ đề nghị phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền ký. Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.

Điều 6. Phạm vi hoạt động của *tổ chức tín dụng* sau *tổ chức lại*

1. Phạm vi hoạt động của *tổ chức tín dụng* sau *tổ chức lại* phải phù hợp với phạm vi hoạt động của từng loại hình *tổ chức tín dụng* theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi hoạt động của tổ chức tín dụng sau sáp nhập là các hoạt động của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập. Tổ chức tín dụng sau sáp nhập được bổ sung hoạt động của tổ chức tín dụng bị sáp nhập nếu đáp ứng đủ các điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Phạm vi hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất là các hoạt động của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất nếu tổ chức tín dụng hợp nhất đáp ứng đủ các điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Phạm vi hoạt động của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý là các hoạt động của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý.

Điều 7. Công bố thông tin tổ chức lại tổ chức tín dụng

1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý, các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý phải công bố trên 01 phương tiện *truyền thông* của Ngân hàng Nhà nước, 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam và phải niêm yết tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và các đơn vị trực thuộc các thông tin sau đây:

a) Số, ngày văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng;

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý;

c) Vốn điều lệ của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý;

d) Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý;

đ) Thông tin dự kiến về tổ chức tín dụng sau tổ chức lại, bao gồm: tên, địa chỉ trụ sở chính; vốn điều lệ; người đại diện theo pháp luật; hình thức *pháp lý*;

2. Sau khi Ngân hàng Nhà nước chấp thuận sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý, *chuyển đổi loại hình*, tổ chức tín dụng sau tổ chức lại phải công bố trên 01 phương tiện *truyền thông* của Ngân hàng Nhà nước, 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam và phải niêm yết tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và các đơn vị trực thuộc các thông tin sau đây:

a) Số, ngày văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng; *chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng*;

b) Số, ngày Giấy phép thành lập và hoạt động; số, ngày văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng sau tổ chức lại;

c) Tên địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tín dụng sau tổ chức lại;

- d) Vốn điều lệ của tổ chức tín dụng sau tổ chức lại;
- đ) Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng sau tổ chức lại;
- e) Hình thức *pháp lý* của tổ chức tín dụng sau tổ chức lại; *loại hình hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình*.
- g) Danh sách, tỷ lệ góp vốn của cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, thành viên góp vốn, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng sau tổ chức lại;
- h) Ngày dự kiến khai trương hoạt động đối với tổ chức tín dụng hợp nhất, tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;
- i) Thông tin chính thức chấm dứt hoạt động của tổ chức tín dụng bị sáp nhập, tổ chức tín dụng bị hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý bao gồm:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính;
 - (ii) Số, ngày Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - (iii) Vốn điều lệ;
 - (iv) Người đại diện theo pháp luật;
 - (v) Ngày chấm dứt hoạt động.

3. Các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất được thỏa thuận và thống nhất công bố chung các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II

SÁP NHẬP, HỢP NHẤT TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Điều 8. Nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất

1. Thực hiện theo thỏa thuận; bảo đảm hoạt động bình thường của tổ chức tín dụng; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng, *chủ nợ* trong quá trình sáp nhập, hợp nhất.
2. Tuân thủ quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.
3. Bảo mật thông tin nhằm đảm bảo hoạt động ổn định của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất trước khi Đề án sáp nhập, hợp nhất được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng thông qua. Các hồ sơ tài liệu liên quan đến việc sáp nhập, hợp nhất tổ chức tín dụng phải đảm bảo nguyên tắc thận trọng, trung thực, chính xác, không gây hiểu nhầm.
4. Nghiêm cấm việc tẩu tán tài sản dưới mọi hình thức. Việc chuyển nhượng, mua bán tài sản trong quá trình sáp nhập, hợp nhất phải đảm bảo công khai, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên, đảm bảo an toàn tài sản và không ảnh hưởng đến quyền lợi của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức và cá nhân liên quan đến việc sáp nhập, hợp nhất.
5. Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng bị hợp nhất hết

hiệu lực khi tổ chức tín dụng hợp nhất khai trương hoạt động. Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng bị sáp nhập hết hiệu lực khi Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập.

Điều 9. Điều kiện sáp nhập, hợp nhất

1. Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Không thuộc trường hợp tập trung kinh tế bị cấm, trừ trường hợp được miễn trừ đối với tập trung kinh tế bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh;

b) Có Đề án sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại Điều 12 Thông tư này được cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất thông qua.

2. Sau khi sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ phần vốn góp, sở hữu cổ phần và điều kiện hoạt động ngân hàng.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị chấp thuận sáp nhập

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập:

a) Đơn đề nghị chấp thuận sáp nhập của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản của tổ chức tín dụng bị sáp nhập ủy quyền cho tổ chức tín dụng nhận sáp nhập thực hiện các công việc liên quan đến việc sáp nhập theo quy định tại Thông tư này;

c) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động kèm bản sao các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép;

d) Văn bản của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập báo cáo về việc không vi phạm quy định tập trung kinh tế; hoặc văn bản trả lời của cơ quan quản lý cạnh tranh trong trường hợp tập trung kinh tế phải thông báo; hoặc quyết định cho hưởng miễn trừ của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tập trung kinh tế được hưởng miễn trừ theo quy định của pháp luật về cạnh tranh;

đ) Đề án sáp nhập theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

e) Biên bản, nghị quyết, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua Đề án sáp nhập, Hợp đồng sáp nhập, Điều lệ của tổ chức tín dụng sau sáp nhập và các vấn đề khác liên quan đến sáp nhập tổ chức tín dụng;

g) Hợp đồng sáp nhập đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua và được người đại diện hợp pháp của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập ký, trong đó phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp;

h) Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán. Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận sáp nhập:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập đề nghị:

(i) Chấp thuận sáp nhập, thay đổi về vốn điều lệ ;

(ii) Chấp thuận các nội dung khác (nếu có);

b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Biên bản, nghị quyết, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án sáp nhập và các vấn đề khác có liên quan đến việc sáp nhập (nếu có);

d) Văn bản của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập nêu rõ các nội dung thay đổi so với Đề án sáp nhập đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc sáp nhập (nếu có);

đ) Văn bản cam kết của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập về việc tổ chức tín dụng sau sáp nhập đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hợp nhất

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc hợp nhất:

a) Đơn đề nghị chấp thuận hợp nhất của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất ủy quyền cho tổ chức tín dụng đại diện thực hiện các công việc liên quan đến việc hợp nhất theo quy định tại Thông tư này;

c) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động kèm bản sao các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép;

d) Văn bản của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất báo cáo về việc không vi phạm quy định tập trung kinh tế; hoặc văn bản trả lời của cơ quan quản lý cạnh tranh trong trường hợp tập trung kinh tế phải thông báo; hoặc quyết định cho hưởng miễn trừ của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tập trung kinh tế được hưởng miễn trừ theo quy định của pháp luật về cạnh tranh;

đ) Đề án hợp nhất theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

e) Biên bản, nghị quyết, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định

của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất thông qua Đề án hợp nhất; Hợp đồng hợp nhất; dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng hợp nhất, danh sách nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, *Tổng giám đốc* và các vấn đề khác liên quan đến hợp nhất tổ chức tín dụng;

g) Hợp đồng hợp nhất đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất thông qua và được người đại diện hợp pháp của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất ký, trong đó phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 200 Luật Doanh nghiệp;

h) Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc hợp nhất của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc hợp nhất chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán. Tổ chức tín dụng bị hợp nhất phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

i) Dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng hợp nhất đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất thông qua;

k) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau đây:

(i) Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, người điều hành;

(ii) Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

l) Danh sách nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, *Tổng giám đốc* (*Giám đốc*) của tổ chức tín dụng hợp nhất;

m) Tài liệu chứng minh việc các nhân sự đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện đối với các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, *Tổng giám đốc* (*Giám đốc*) của tổ chức tín dụng hợp nhất.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hợp nhất:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đại diện đề nghị:

(i) Chấp thuận hợp nhất, thay đổi về vốn điều lệ;

(ii) Chấp thuận các nội dung khác (nếu có);

b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Điều lệ của tổ chức tín dụng hợp nhất được cơ quan có thẩm quyền

quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất thông qua;

d) Biên bản, nghị quyết, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án hợp nhất và các vấn đề khác có liên quan đến việc hợp nhất (nếu có);

đ) Văn bản của tổ chức tín dụng đại diện nêu rõ các nội dung thay đổi so với Đề án hợp nhất đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc hợp nhất (nếu có);

e) Biên bản, nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng hợp nhất thông qua Điều lệ; bầu, bổ nhiệm các chức danh, thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hợp nhất và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức tín dụng hợp nhất;

g) Biên bản họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên tổ chức tín dụng hợp nhất về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát tổ chức tín dụng hợp nhất về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát;

h) Quyết định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên tổ chức tín dụng hợp nhất về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

i) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất quy định tại điểm k khoản 1 Điều này đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng hợp nhất thông qua;

k) Văn bản cam kết của tổ chức tín dụng đại diện về việc tổ chức tín dụng hợp nhất đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

Điều 12. Đề án sáp nhập, hợp nhất

1. Đề án sáp nhập, hợp nhất phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất thông qua và được người đại diện hợp pháp của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất cùng ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm.

2. Đề án sáp nhập, hợp nhất tối thiểu phải có các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử (nếu có) của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất;

b) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của chủ sở hữu, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất;

c) Lý do sáp nhập, hợp nhất;

d) Tóm tắt tình hình tài chính và kết quả hoạt động của tổ chức tín dụng

tham gia sáp nhập, hợp nhất trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất;

đ) Giá trị thực của vốn điều lệ, nợ xấu, các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động và việc tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ này của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất trước khi sáp nhập, hợp nhất; vốn điều lệ của tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất;

e) Lộ trình sáp nhập, hợp nhất;

g) Phương thức và thời gian chuyển đổi vốn góp, vốn cổ phần; các hình thức chuyển đổi vốn góp, vốn cổ phần và tỷ lệ chuyển đổi tương ứng;

h) Việc tổ chức cuộc họp của cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất với điều kiện, thành phần, thể thức họp, cách thức biểu quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng để thông qua việc sáp nhập, hợp nhất; việc ủy quyền cho tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, tổ chức tín dụng đại diện tổ chức triệu tập cuộc họp này;

i) Quyền lợi, nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, các tổ chức và cá nhân có liên quan (nếu có);

k) Phương án xử lý đối với người lao động làm việc tại tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất;

l) Danh sách và tỷ lệ góp vốn của cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất;

m) Dự kiến về sơ đồ tổ chức, nhân sự, mạng lưới hoạt động và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất;

n) Biện pháp chuyển đổi, kết hợp hệ thống thông tin quản lý, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, hệ thống truyền dữ liệu để đảm bảo thông suốt hoạt động trong và sau sáp nhập, hợp nhất;

o) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu của tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm);

p) Đánh giá tác động và phương án xử lý (nếu có) của việc sáp nhập, hợp nhất nhằm bảo đảm hoạt động bình thường của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất và an toàn, ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng;

q) Việc tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

Điều 13. Trình tự, thủ tục chấp thuận sáp nhập

1. Chấp thuận nguyên tắc sáp nhập:

a) Tổ chức tín dụng nhận sáp nhập lập hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này và gửi Ngân hàng Nhà nước.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập đặt trụ sở chính về ảnh hưởng của việc sáp nhập tổ chức tín dụng đối với sự ổn định kinh tế xã hội trên địa bàn và quan điểm về việc sáp nhập;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.

đ) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc sáp nhập tổ chức tín dụng. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

2. Trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 7 Thông tư này.

3. Chấp thuận sáp nhập:

a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, tổ chức tín dụng nhận sáp nhập gửi Ngân hàng Nhà nước 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận sáp nhập quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được đầy đủ các hồ sơ nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc *hết hiệu lực*.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận sáp nhập, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập và chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày văn bản chấp thuận sáp nhập có hiệu

lực, tổ chức tín dụng nhận sáp nhập *sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung Giấy phép được sửa đổi, bổ sung*, công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này và có văn bản báo cáo việc hoàn tất sáp nhập gửi Ngân hàng Nhà nước.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng bị sáp nhập hết hiệu lực, tổ chức tín dụng bị sáp nhập có trách nhiệm hoàn trả Ngân hàng Nhà nước Giấy phép thành lập và hoạt động đã hết hiệu lực.

6. *Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập quy định tại khoản 4 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với tổ chức tín dụng nhận sáp nhập kèm theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; thông tin về thu hồi giấy phép đối với tổ chức tín dụng bị sáp nhập cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.*

Điều 14. Trình tự, thủ tục chấp thuận hợp nhất

1. Chấp thuận nguyên tắc hợp nhất:

a) Tổ chức tín dụng đại diện lập hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc hợp nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này và gửi Ngân hàng Nhà nước.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) *Tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.*

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi các tổ chức tín dụng bị hợp nhất đặt trụ sở chính, nơi tổ chức tín dụng hợp nhất dự kiến đặt trụ sở chính về ảnh hưởng của việc hợp nhất tổ chức tín dụng đối với sự ổn định kinh tế xã hội trên địa bàn và quan điểm về việc hợp nhất;

d) *Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.*

đ) *Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc hợp nhất tổ chức tín dụng, chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.*

2. Trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc hợp nhất, tổ chức tín dụng bị hợp nhất thực hiện công bố

thông tin theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 7 Thông tư này.

3. Chấp thuận hợp nhất:

a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc hợp nhất, tổ chức tín dụng đại diện gửi Ngân hàng Nhà nước 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận hợp nhất quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được đầy đủ các hồ sơ nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc *hết hiệu lực*.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) *Tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.*

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hợp nhất, cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất, chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày văn bản chấp thuận hợp nhất có hiệu lực, tổ chức tín dụng hợp nhất công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này, tổ chức khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng bị hợp nhất hết hiệu lực, tổ chức tín dụng bị hợp nhất có trách nhiệm hoàn trả Ngân hàng Nhà nước Giấy phép thành lập và hoạt động đã hết hiệu lực và *tổ chức tín dụng hợp nhất có văn bản báo cáo việc hoàn tất hợp nhất gửi Ngân hàng Nhà nước.*

6. *Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo của tổ chức tín dụng hợp nhất quy định tại khoản 5 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất kèm theo Giấy phép; thông tin về thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng bị hợp nhất cho Cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.*

Chương III

CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC PHÁP LÝ TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Điều 15. Nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý

1. Việc chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần, chào bán cổ phiếu phải tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước, quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức tín dụng chỉ được chuyển đổi hình thức pháp lý phù hợp với hình thức tổ chức quy định tại Điều 6 Luật các tổ chức tín dụng và quy định tại Thông tư này.

3. Bảo mật thông tin nhằm đảm bảo hoạt động ổn định của tổ chức tín dụng trước khi Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng thông qua. Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng phải đảm bảo nguyên tắc thận trọng, trung thực, chính xác, không gây hiểu nhầm.

4. Nghiêm cấm việc tâu tán tài sản dưới mọi hình thức. Việc chuyển nhượng, mua bán tài sản trong quá trình chuyển đổi hình thức pháp lý phải đảm bảo công khai, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên, đảm bảo an toàn tài sản và không ảnh hưởng đến quyền lợi của tổ chức tín dụng, tổ chức và cá nhân liên quan đến việc chuyển đổi hình thức pháp lý.

5. Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý hết hiệu lực khi tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý khai trương hoạt động.

Điều 16. Điều kiện chuyển đổi hình thức pháp lý

1. Tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý phải có Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định tại Điều 18 Thông tư này và được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng thông qua.

2. Đối với trường hợp tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần, phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng điều kiện thực hiện chào bán cổ phiếu theo quy định của pháp luật về chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Cổ đông sáng lập (nếu có), cổ đông lớn, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật đối với cổ đông sáng lập của tổ chức tín dụng khi thành lập mới;

d) Cổ đông, cổ đông chiến lược là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam;

đ) Tổ chức, cá nhân mua cổ phần phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về tỷ lệ sở hữu cổ phần.

3. Đối với trường hợp tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn, phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Chủ sở hữu, thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khi thành lập mới;

c) Thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý phải tuân thủ quy định của pháp luật về tỷ lệ phần vốn góp.

Điều 17. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý:

a) Đơn đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động kèm bản sao các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép;

c) Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định tại Điều 18 Thông tư này;

d) Biên bản, nghị quyết, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng thông qua Phương án chuyển đổi, dự thảo Điều lệ, danh sách nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, *Tổng Giám đốc* của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý và các vấn đề khác liên quan đến chuyển đổi hình thức pháp lý;

đ) Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán. Tổ chức tín dụng phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

e) Dự thảo Điều lệ tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng thông qua;

g) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau đây:

(i) Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, người điều hành;

(ii) Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

h) Danh sách nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, *Tổng giám đốc* (Giám đốc) của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

i) Tài liệu chứng minh việc các nhân sự đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện đối với các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban

kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

k) Tài liệu, thông tin cung cấp cho nhà đầu tư, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau đây: điều kiện đối với cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, chủ sở hữu, thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị:

(i) Chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý;

(ii) Chấp thuận các nội dung khác (nếu có);

b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Điều lệ của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua;

d) Biên bản, nghị quyết, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua các nội dung thay đổi tại Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý và các vấn đề khác có liên quan đến việc chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có);

đ) Văn bản của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý nêu rõ các nội dung thay đổi so với Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có);

e) Biên bản, nghị quyết, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua Điều lệ; bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

g) Biên bản họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát; quyết định của chủ sở hữu tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý về việc bổ nhiệm Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát;

h) Quyết định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

i) Danh sách, mức và tỷ lệ góp vốn của các thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

k) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý quy định tại điểm g khoản 1 Điều này đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý thông qua;

l) Ngoài những hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k khoản này, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần nộp bổ sung các hồ sơ sau đây:

(i) Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu và xác nhận của ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán;

(ii) Hồ sơ của cổ đông sáng lập (nếu có), cổ đông lớn, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý như hồ sơ đối với cổ đông sáng lập thành lập tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng;

(iii) Hồ sơ của cổ đông, cổ đông chiến lược là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam;

m) Ngoài những hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k khoản này, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại, tổ chức tín dụng chuyển đổi từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn nộp bổ sung các hồ sơ sau đây:

(i) Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư hoặc giấy tờ xác nhận hoàn tất chuyển nhượng vốn;

(ii) Văn bản của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý xác nhận tư cách thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

(iii) Hồ sơ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý như hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập thành lập tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng.

3. Trường hợp ngân hàng thương mại góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng dẫn đến chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng gửi hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động đối với nội dung chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng;

b) Hồ sơ chứng minh việc ngân hàng thương mại đã hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng dẫn đến chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng.

Điều 18. Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý

1. Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng thông qua và được người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm.

2. Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý tối thiểu phải có các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ và trang thông tin điện tử (nếu có) của tổ chức tín dụng;

b) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của chủ sở hữu, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng;

c) Lý do chuyển đổi hình thức pháp lý;

d) Tóm tắt tình hình tài chính và kết quả hoạt động của tổ chức tín dụng được chuyển đổi trong 03 năm liền kề trước năm đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý;

đ) Giá trị thực của vốn điều lệ trước và sau khi chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng; nợ xấu, các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động và việc tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ này của tổ chức tín dụng trước khi chuyển đổi hình thức pháp lý;

e) Quyền lợi, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có);

g) Dự kiến về sơ đồ tổ chức, mạng lưới hoạt động và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

h) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (báo cáo tình hình tài chính; báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ; các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động; các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm);

i) Tỷ lệ phần vốn góp, sở hữu cổ phần; điều kiện đối với cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, chủ sở hữu, thành viên góp vốn nhận chuyển nhượng, thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý; tỷ lệ chuyển đổi vốn góp, vốn cổ phần; phương thức và thời gian chuyển đổi.

Điều 19. Trình tự, thủ tục chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý

1. Chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý:

a) Tổ chức tín dụng lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này và gửi Ngân hàng Nhà nước.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

c) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng, chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

2. Trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

3. Chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý:

a) Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư này. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được đầy đủ các hồ sơ nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc *hết hiệu lực*.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng, cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng và chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày văn bản chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý có hiệu lực, tổ chức tín dụng công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này; tổ chức khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý hết hiệu lực, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý có trách nhiệm hoàn trả Ngân hàng Nhà nước Giấy phép thành lập và hoạt động đã hết hiệu lực và *tổ chức tín*

dụng chuyển đổi hình thức pháp lý có văn bản báo cáo việc hoàn tất chuyển đổi hình thức pháp lý gửi Ngân hàng Nhà nước.

6. Trường hợp ngân hàng thương mại góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng dẫn đến chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng:

a) Tổ chức tín dụng lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động đối với nội dung chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn tối đa 20 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

c) Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, tổ chức tín dụng công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này, tổ chức khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật, hoàn trả Ngân hàng Nhà nước Giấy phép thành lập và hoạt động đã hết hiệu lực và có văn bản báo cáo việc hoàn tất chuyển đổi hình thức pháp lý gửi Ngân hàng Nhà nước.

7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý quy định tại khoản 5 Điều này hoặc quy định tại điểm d khoản 6 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc cấp giấy phép thành lập và hoạt động kèm theo Giấy phép; thông tin về thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý cho Cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Chương IV **CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH TỔ CHỨC TÍN DỤNG** **PHI NGÂN HÀNG**

Điều 20. Nguyên tắc chuyển đổi loại hình

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng chỉ được chuyển đổi loại hình phù hợp với các trường hợp chuyển đổi loại hình quy định tại Thông tư này.

2. Bảo mật thông tin nhằm đảm bảo hoạt động ổn định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trước khi Phương án chuyển đổi loại hình được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua. Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải đảm bảo nguyên tắc thận trọng, trung thực, chính xác.

Điều 21. Điều kiện để chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Phải có Phương án chuyển đổi loại hình theo quy định tại Điều 23 Thông tư này và được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua.

2. Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng giám đốc.

3. Tại thời điểm đề nghị, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật.

4. Trường hợp công ty tài chính chuyên ngành chuyển đổi loại hình thành công ty tài chính tổng hợp, ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị chuyển đổi loại hình không thấp hơn mức vốn pháp định của loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trên cơ sở báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị.

b) Nội dung hoạt động được bổ sung sau khi chuyển đổi loại hình phải là nội dung hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính (đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài).

c) Hoạt động kinh doanh có lãi liên tục ít nhất trong 02 năm liền kề trước năm đề nghị chuyển đổi loại hình.

d) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục trong thời gian 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị.

đ) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật liên tục trong tất cả các quý của năm liền kề trước năm đề nghị được chuyển đổi loại hình.

e) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 01 năm liền kề tính từ thời điểm đề nghị chuyển đổi loại hình trở về trước.

g) Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng phạm vi hoạt động.

Điều 22. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng

1. Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi Ngân hàng Nhà nước theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này đề nghị:

- a) Chấp thuận chuyển đổi loại hình;
- b) Chấp thuận các nội dung khác (nếu có);

2. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động kèm bản sao các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

4. Phương án chuyển đổi loại hình theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

5. Biên bản, nghị quyết, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua Phương án chuyển đổi loại hình, dự thảo Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình.

6. Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi loại hình được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi loại hình chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

7. Dự thảo Điều lệ tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua.

8. Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng.

9. Các văn bản khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện về chuyển đổi loại hình theo quy định tại Thông tư này.

Điều 23. Phương án chuyển đổi loại hình

1. Phương án chuyển đổi loại hình phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua và được người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm.

2. Phương án chuyển đổi loại hình tối thiểu phải có các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ và trang thông tin điện tử (nếu có) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

b) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của chủ sở hữu, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban

và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

c) Lý do chuyển đổi loại hình;

d) Tóm tắt tình hình tài chính và kết quả hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình trong 03 năm liền kề trước năm đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình;

đ) Giá trị thực của vốn điều lệ trước và sau khi chuyển đổi loại hình của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; nợ xấu, các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động và việc tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ này của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trước khi chuyển đổi loại hình;

e) Quyền lợi, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có);

g) Dự kiến về sơ đồ tổ chức, mạng lưới hoạt động và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình;

h) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (báo cáo tình hình tài chính; báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ; các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động; các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm); việc đáp ứng tỷ lệ dư nợ hoạt động cấp tín dụng chính trên tổng dư nợ cấp tín dụng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (đối với công ty tài chính tổng hợp chuyển đổi loại hình thành công ty tài chính chuyên ngành).

Điều 24. Trình tự, thủ tục chấp thuận chuyển đổi loại hình

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình theo quy định tại Điều 22 Thông tư này và gửi Ngân hàng Nhà nước.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn tối đa 20 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

3. Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng; sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chấp thuận các nội dung khác (nếu có). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày văn bản chấp thuận chuyển loại hình có hiệu lực, tổ chức tín dụng phi ngân hàng công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này; sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung Giấy phép được sửa đổi, bổ sung và có văn bản báo cáo việc hoàn tất chuyển đổi loại hình gửi Ngân hàng Nhà nước.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại khoản 4 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thông báo thông tin về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng kèm theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 25. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng

1. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và tổ chức, cá nhân có liên quan của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý, *tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình* phải chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động và phải bảo đảm an toàn tuyệt đối về tài sản của tổ chức tín dụng cho đến khi hoàn tất quá trình sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý, *chuyển đổi loại hình* theo Đề án sáp nhập, hợp nhất, Phương án chuyển đổi hình thức pháp lý, *phương án chuyển đổi loại hình* đã được thông qua.

2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, người đại diện theo pháp luật của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý, *tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình* phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ đề nghị *chấp thuận* sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý và *chuyển đổi loại hình*.

3. Hợp đồng sáp nhập, hợp nhất phải được các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất gửi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất tổ chức tín dụng.

4. Sau khi có văn bản chấp thuận nguyên tắc, các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý chủ động chuẩn bị cho công tác bàn giao và phải bàn giao ngay toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ và các vấn đề về tổ chức và hoạt động khi có quyết định chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.

5. Sau khi tổ chức lại nếu phát hiện có những vấn đề ngoài sổ sách hoặc không được bàn giao thì Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và tổ chức, cá nhân có liên quan của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng

được chuyển đổi hình thức pháp lý phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

6. Bảo mật thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 15, khoản 2 Điều 20 Thông tư này.

7. Cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất có trách nhiệm thông qua việc tổ chức lại với điều kiện, thể thức hợp và cách thức biểu quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng.

Điều 26. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Đầu mỗi tiếp nhận, xem xét và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc không chấp thuận sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng, *chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng*.

b) Thừa lệnh Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký văn bản gửi tổ chức tín dụng yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Thông tư này;

c) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

(i) Văn bản gửi tổ chức tín dụng về việc chấp thuận nguyên tắc hoặc không chấp thuận nguyên tắc (trong đó nêu rõ lý do) tổ chức lại tổ chức tín dụng;

(ii) Văn bản chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng; sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng sau sáp nhập; cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất; cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý; *sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình*;

(iii) Quyết định chấp thuận các nội dung thay đổi theo quy định của pháp luật;

d) Thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm của tổ chức tín dụng trong việc chấp hành các quy định tại Thông tư này theo thẩm quyền.

2. Vụ Tài chính - Kế toán:

Hướng dẫn cụ thể các vấn đề liên quan đến tài chính, kế toán trong quá trình tổ chức lại tổ chức tín dụng.

3. Vụ Pháp chế:

Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xử lý các vấn đề pháp lý liên quan đến quá trình tổ chức lại tổ chức tín dụng.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với các tổ chức tín dụng trên địa bàn trong việc thực hiện tổ chức lại theo quy định về chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5. Các Vụ, Cục có liên quan của Ngân hàng Nhà nước, căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, có ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với hoạt động không đáp ứng các điều kiện hoạt động quy định tại khoản 2, 3 Điều 6 Thông tư này, tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất thực hiện như sau:

1. Kể từ ngày *Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập*; tổ chức tín dụng hợp nhất khai trương hoạt động, tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất không được ký mới các hợp đồng, thỏa thuận để tiến hành thực hiện hoạt động không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2, 3 Điều 6 Thông tư này.

2. Đối với các hợp đồng, thỏa thuận được ký kết trước ngày *Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập*, tổ chức tín dụng hợp nhất khai trương hoạt động và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết, tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng, thỏa thuận.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngàytháng năm 2025.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 36/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định việc tổ chức lại tổ chức tín dụng hết hiệu lực thi hành.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Nơi nhận:

- Như Điều 29;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, Vụ PC, TTGSNH6 (03 bản).

THỐNG ĐỐC

PHỤ LỤC SỐ 01**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN SÁP NHẬP, HỢP NHẤT****TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày .../.../2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN SÁP NHẬP, HỢP NHẤT**TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số / /TT-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định *điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận* việc tổ chức lại tổ chức tín dụng;

.....(*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và chấp thuận nội dung sau đây:

A. Nội dung đề nghị của tổ chức tín dụngSáp nhập Hợp nhất **B. Các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất**

1. Tên tổ chức tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ (tính đến thời điểm gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất tổ chức tín dụng).

4. Năm thành lập

5. Thời hạn hoạt động

6. Nội dung hoạt động

7. Người đại diện theo pháp luật (họ và tên, địa chỉ thường trú, số chứng minh nhân dân, hoặc số hộ chiếu *hoặc thẻ căn cước*)

(*) Tên tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, tổ chức tín dụng đại diện cho các tổ chức tín dụng bị hợp nhất

8. Sở giao dịch chứng khoán (đối với tổ chức tín dụng cổ phần đang niêm yết)

9. Vai trò của các tổ chức tín dụng trong việc sáp nhập, hợp nhất

(Liệt kê lần lượt đầy đủ các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất)

C. Tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất

1. Tên tổ chức tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn điều lệ

4. Thời hạn hoạt động

5. Nội dung hoạt động

D. Lý do sáp nhập, hợp nhất tổ chức tín dụng

Đ. Hồ sơ kèm theo

1.

2.

.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị chấp thuận sáp nhập, hợp nhất.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

....., ngày.... tháng..... năm....

(*)

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

^(*) Các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất

PHỤ LỤC SỐ 02

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC PHÁP LÝ
(Ban hành kèm theo Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày .../.../2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC PHÁP LÝ
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số / /TT-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định *điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc* tổ chức lại tổ chức tín dụng;

..... (*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và chấp thuận nội dung sau đây:

A. Nội dung đề nghị của tổ chức tín dụng

Nội dung chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng.

B. Tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý

1. Tên tổ chức tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ (tính đến thời điểm gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý).

4. Năm thành lập

5. Thời hạn hoạt động

6. Nội dung hoạt động

7. Người đại diện theo pháp luật (họ và tên, địa chỉ thường trú, số chứng minh

(*) Tên tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý

nhân dân, hoặc số hộ chiếu *hoặc thẻ căn cước*)

8. Sở giao dịch chứng khoán (đối với tổ chức tín dụng cổ phần đang niêm yết)

C. Tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý

1. Tên tổ chức tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn điều lệ

4. Thời hạn hoạt động

5. Nội dung hoạt động

D. Hồ sơ kèm theo

1.

2.

.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

....., ngày ... tháng ... năm ...

(*)

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

^(*) Tên tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý

PHỤ LỤC SỐ 03**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH
TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày .../.../2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng)

TÊN TCTD
PHI NGÂN HÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số /TT-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định *điều kiện, hồ sơ, thủ tục* việc tổ chức lại tổ chức tín dụng;

..... (*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét và chấp thuận các nội dung sau đây:

A. Nội dung đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

Nội dung chuyển đổi loại hình của tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các nội dung khác đề nghị NHNN chấp thuận (nếu có)

B. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình

1. Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ (tính đến thời điểm gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận

(*) Tên tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý

chuyển đổi loại hình).

4. Năm thành lập

5. Thời hạn hoạt động

6. Nội dung hoạt động

7. Người đại diện theo pháp luật (họ và tên, địa chỉ thường trú, số chứng minh nhân dân, hoặc số hộ chiếu *hoặc thẻ căn cước*)

8. Sở giao dịch chứng khoán (đối với tổ chức tín dụng cổ phần đang niêm yết)

C. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình

1. Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn điều lệ

4. Thời hạn hoạt động

5. Nội dung hoạt động

D. Hồ sơ kèm theo

1.

2.

.....

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong văn bản, hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

....., ngày ... tháng ... năm ...

(*)

Người đại diện hợp pháp
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

^(*) Tên tổ chức tín dụng được chuyển đổi loại hình

PHỤ LỤC SỐ 04

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày .../.../2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng)

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO**Kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành (*đầy đủ*):.....
2. Tên viết tắt:.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....
4. Số điện thoại:..... Số fax:..... Website:.....
5. Vốn điều lệ:.....
đồng.
6. Mã cổ phiếu:.....
7. Nơi mở tài khoản thanh toán:..... Số hiệu tài khoản:.....
- 8 Giấy phép thành lập và hoạt động: ...

II. Phương án chào bán

1. Tên cổ phiếu:.....
2. Loại cổ phiếu:.....
3. Số lượng cổ phiếu chào bán:..... cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán:..... cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán:.....cổ phiếu.
4. Giá chào bán:đồng/cổ phiếu.
5. Tổng giá trị vốn huy động dự kiến:..... đồng, trong đó:
 - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành:.....đồng;
 - Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên:.....đồng.
6. Phương thức phân phối (*thông qua tổ chức bào lãnh phát hành, đại lý phát hành, đấu giá...*):

- Trường hợp có bảo lãnh phát hành, nêu kết quả phân phối cổ phiếu cho tổ chức bảo lãnh phát hành theo cam kết tại hợp đồng (*số lượng, giá, trường hợp có tổ hợp bảo lãnh thì nêu từng tổ chức*).

- Trường hợp phân phối số cổ phiếu còn lại một hoặc một số nhà đầu tư xác định:

+ Nêu số cổ phiếu, tỷ lệ chào bán cho từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ trên vốn điều lệ trong đợt chào bán này và trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất;

+ Nêu tỷ lệ sở hữu của từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ sau đợt chào bán.

IV. Tổng hợp kết quả đợt chào bán cổ phiếu

1. Tổng số cổ phiếu đã phân phối:..... cổ phiếu, tương ứng..... % tổng số cổ phiếu chào bán, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu của Tổ chức phát hành:..... cổ phiếu;

- Số lượng cổ phiếu của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên:..... cổ phiếu.

2. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán:..... đồng, trong đó:

- Tổng số tiền của Tổ chức phát hành:..... đồng;

- Tổng số tiền của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán:.....đồng.

3. Tổng chi phí:đồng.

- Phí bảo lãnh phát hành (*nếu có*): đồng.

- Phí phân phối cổ phiếu (*nếu có*):.....đồng.

- Phí kiểm toán (*nếu có*):..... đồng.

- Chi phí khác (*nếu có*):.....đồng.

4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán:.....đồng.

V. Cơ cấu vốn của Tổ chức phát hành sau đợt chào bán

1. Cơ cấu vốn

TT	Danh mục	Số lượng cổ đồng	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài				
1	Trong nước				
1.1	Nhà nước				
1.2	Tổ chức				
1.3	Cá nhân				
2	Nước ngoài				
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài				

	nắm giữ trên 50% vốn điều lệ				
2.2	Cá nhân				
	Tổng cộng (1 + 2)				100%
II	Cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông khác				
1	Cổ đông sáng lập				
2	Cổ đông lớn				
3	Cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết				
	Tổng cộng (2 + 3)				100%

2. Danh sách và tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1			
2			

VI. Tài liệu gửi kèm

1. Văn bản xác nhận của ngân hàng/chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán;
2. Quyết định của Hội đồng quản trị về việc phân phối cổ phiếu (*nếu có*);
3. Tài liệu khác (*nếu có*).

....., ngày ... tháng ... năm ...

(*)

Người đại diện hợp pháp
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(*): Tên tổ chức tín dụng

PHỤ LỤC SỐ 05**MẪU QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN SÁP NHẬP**

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày .../.../2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng)

**NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sáp nhập(*)
vào (**)**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;;

Căn cứ Thông tư số / /TT-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng;

Xét đề nghị chấp thuận sáp nhập(*) vào (**) của người đại diện hợp pháp của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập tại Đơn đề nghị chấp thuận sáp nhập ngày tháng năm và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận việc sáp nhập (*) vào (**).

Điều 2. Thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của (*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho(*).

Giấy phép thành lập và hoạt động của(*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho (*) hết hiệu lực thi hành khi Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép

(¹) Tên tổ chức tín dụng bị sáp nhập

(²) Tên tổ chức tín dụng nhận sáp nhập

(³) Tên tổ chức tín dụng bị sáp nhập

*thành lập và hoạt động của (**).*

Điều 3. (**) có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của(*).
2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành: Công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. (*) có trách nhiệm:

1. Bàn giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cho(**).
2. Hoàn trả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bản gốc Giấy phép thành lập và hoạt động của(*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho (*) theo quy định của pháp luật.
3. Công bố thông tin chấm dứt hoạt động và việc giải quyết các quyền và nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm .

Điều 6. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi (**) đặt trụ sở chính, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của (*) và ... (**) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBND tỉnh/TP nơi ... (*) đặt trụ sở chính;
- UBND tỉnh/TP nơi ... (**) đặt trụ sở chính;
- UBCK Nhà nước (nếu có);
- Lưu: VP, TTGSNH (03).

THỐNG ĐỐC

PHỤ LỤC SỐ 06**MẪU QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN HỢP NHẤT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày .../.../2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng)

**NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hợp nhất (*)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;;

Căn cứ Thông tư số /TT-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng;

Xét đề nghị chấp thuận hợp nhất(*) của người đại diện hợp pháp của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất tại Đơn đề nghị chấp thuận hợp nhất ngày tháng năm và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận việc hợp nhất(*)

Điều 2. Thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của (*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho(*)

Giấy phép thành lập và hoạt động của (*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho (*) hết hiệu lực thi hành khi tổ chức tín dụng hợp nhất khai trương hoạt động.

Điều 3. (***) có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của (*)

2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành:

Công bố thông tin và tổ chức khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. ... (*) có trách nhiệm:

1. Bàn giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cho(**).

2. Hoàn trả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bản gốc Giấy phép thành lập và hoạt động của (*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho (*) theo quy định của pháp luật.

3. Công bố thông tin chấm dứt hoạt động và việc giải quyết các quyền và nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm .

Điều 6. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi(*),(**) đặt trụ sở chính, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của.... (*) và ... (**) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỐNG ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBND tỉnh/TP nơi ... (*) đặt trụ sở chính;
- UBND tỉnh/TP nơi ... (**) đặt trụ sở chính;
- UBCK Nhà nước (nếu có);
- Lưu: VP, TTGSNH (03).

(*) Tên các tổ chức tín dụng bị hợp nhất

(**) Tên tổ chức tín dụng hợp nhất

PHỤ LỤC SỐ 07

MẪU QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC PHÁP LÝ
(Ban hành kèm theo Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày .../.../2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng)

**NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển đổi hình thức pháp lý của (*)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số / /TT-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng;

Xét đề nghị chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý của người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng tại Đơn đề nghị chấp thuận, chuyển đổi hình thức pháp lý ngày tháng năm và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận việc chuyển đổi hình thức pháp lý của(*)

Điều 2. Thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của(*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho(*)

Giấy phép thành lập và hoạt động của(*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho(*) hết hiệu lực thi hành khi tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý khai trương hoạt động.

Điều 3. Tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý.

2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành:

Công bố thông tin và tổ chức khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý có trách nhiệm:

1. Bàn giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cho tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý.

2. Hoàn trả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bản gốc Giấy phép thành lập và hoạt động của (*) số/GP-NHNN ngày tháng năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho (*) theo quy định của pháp luật.

3. Công bố thông tin chấm dứt hoạt động và việc giải quyết các quyền và nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm .

Điều 6. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý đặt trụ sở chính, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý và tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỐNG ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBND tỉnh/TP nơi TCTD đặt trụ sở chính;
- UBCK Nhà nước (nếu có);
- Lưu: VP, TTGSNH (03).

(*) Tên tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý

PHỤ LỤC SỐ 08

MẪU QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH CỦA

TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../.../TT-NHNN ngày .../.../2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng)

**NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển đổi loại hình của (*)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số /TT-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng;

Xét đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển đổi loại hình ngày tháng năm và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận việc chuyển đổi loại hình của(*)

Điều 2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình có trách nhiệm:

1. Công bố thông tin theo quy định của pháp luật
2. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm .

Điều 6. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi loại hình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBND tỉnh/TP nơi TCTD đặt trụ sở chính;
- UBCK Nhà nước (nếu có);
- Lưu: VP, TTGSNH (03).

THÔNG ĐỐC

(*) Tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng được chuyển đổi loại hình